

Số: 1035/2020/QĐST-HNGD

Tân Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 980/2020/TLST-HNGD ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: Đường N, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Bà Huỳnh Thị Kim Nền; địa chỉ: Đường N, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy công nhận kết hôn số 245, Quyền số I do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị Kim N đã đăng ký kết hôn ngày 08/02/1985. Bà N và ông K là vợ chồng hợp pháp. Ông K và Bà N có nơi cư trú tại quận B, do đó cả hai nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận B là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn năm 1985. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Cả hai đều xác định vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thái A1 sinh năm 1986 và Nguyễn Huỳnh Vân A2 sinh năm 1991, tất cả đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) do Bà N và ông Khăng phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thái A1 sinh năm 1986 và Nguyễn Huỳnh Vân A2 sinh năm 1991, tất cả đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) Bà N và ông K phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0068696 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông K và Bà N đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.B;
- UBND xã A, huyện C, Tp.HCM (GKH số 245 ngày 08/02/1985);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Phước Lý